

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công
năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019), Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021, Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2021.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những dự án có tiến độ thực hiện nhanh cần bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng (44 danh mục dự án, nội dung chi), nhưng bên cạnh đó có những dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn, vướng mắc và có những dự án qua đấu thầu có giảm giá nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí (39 danh mục dự án, nội dung chi), hoặc một số dự án đến thời điểm trình thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2021 (ngày 15/7/2021) chưa kịp hoàn thành thủ tục đầu tư, nay các chủ đầu tư đã hoàn thành xong thủ tục đầu tư theo quy định, đủ điều kiện xem xét bổ sung danh mục và bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2021 để thực hiện (02 danh mục dự án đầu tư Kè khắc phục sạt lở đê biển Tây theo Lệnh khẩn cấp).

Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật quy định có liên quan về đầu tư công, để sử dụng hiệu quả kế hoạch vốn năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 để tiếp tục thực hiện và giải ngân.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích

Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

2. Quan điểm

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh và đã gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan theo quy định.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, có một số đơn vị có ý kiến đóng góp về số liệu, đề nghị bổ sung kế hoạch vốn cho dự án; qua đó, cơ quan soạn thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn đã bố trí. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung các dự thảo văn bản theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG

1. Bố cục

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 có 04 Điều.

2. Nội dung cơ bản

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; đến ngày 31/10/2021, nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý giải ngân 262,427 tỷ đồng, đạt 55,7% kế hoạch vốn (471 tỷ đồng); nguồn vốn xổ số kiến thiết giải ngân 817,591 tỷ đồng, đạt 62,9% kế hoạch vốn (1.300 tỷ đồng).

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; đến ngày 31/10/2021, nguồn vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý giải ngân 5,395 tỷ đồng, đạt 75,3% kế hoạch vốn (7,166 tỷ đồng); nguồn vốn xổ số kiến thiết giải ngân 64,984 tỷ đồng, đạt 69,2% kế hoạch vốn (93,902 tỷ đồng).

Xuất phát từ thực tế trên, để sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn của các chủ đầu tư từ dự án không có khả năng giải ngân sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn cho các dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 là cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021 như sau:

2.1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

a) Kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2021 (471 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 33,706 tỷ đồng của 14 danh mục dự án, nội dung chi để bổ sung kế hoạch vốn 33,706 tỷ đồng cho 13 danh mục dự án.

(Chi tiết danh mục dự án và kế hoạch vốn tại biểu Phụ lục I kèm theo)

b) Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2021 (1.300 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 71,027 tỷ đồng của 18 danh mục dự án, nội dung chi để bổ sung danh mục và kế hoạch vốn 71,027 tỷ đồng cho 25 danh mục dự án, nội dung chi (bao gồm bổ sung 02 danh mục dự án đầu tư Kè khắc phục sạt lở đê biển Tây theo Lệnh khẩn cấp).

(Chi tiết danh mục dự án và kế hoạch vốn tại biểu Phụ lục II kèm theo)

Lý do đề xuất bổ sung 02 dự án (theo Lệnh khẩn cấp) ngoài danh mục kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2021 đã thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021 như sau:

Ngày 09/7/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có Quyết định số 1281/QĐ-UBND về việc ban hành Lệnh xây dựng công trình khẩn cấp thực hiện các công trình, dự án xử lý sạt lở khẩn cấp đê biển Tây tỉnh Cà Mau với mục tiêu để xử lý, khắc phục sạt lở khẩn cấp bờ biển Tây đoạn từ Vàm T25 đến Vàm Khánh Hội (với chiều dài 1.625m), tổng mức đầu tư 15,453 tỷ đồng, trước mắt tạm ứng từ Quỹ Phòng, chống thiên tai để thực hiện, khi các dự án xây dựng công trình khẩn cấp được duyệt và bố trí vốn theo Luật Đầu tư công sẽ hoàn trả tạm ứng theo quy định.

Đến nay, 02 công trình gồm: (1) Công trình xử lý khẩn cấp khắc phục sạt lở đê biển Tây, đoạn từ Vàm T25+700m hướng về Vàm T29, xã Khánh Hội, huyện U Minh và (2) Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở đê biển Tây, đoạn từ Vàm T29+1.300m hướng về Vàm Khánh Hội, xã Khánh Hội, huyện U Minh đã được phê duyệt (tại Quyết định số 1172/QĐ-SNN ngày 25/8/2021 và Quyết định số 1173/QĐ-SNN ngày 25/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) và đã thi công cơ bản hoàn thành, đảm bảo điều kiện xem xét, bổ sung danh mục và bố trí kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 để hoàn trả tạm ứng từ Quỹ Phòng, chống thiên tai.

2.2. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 chuyển sang năm 2021

a) Kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020 chuyển sang 2021 (7,166 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 545 triệu đồng của 02 danh mục dự án để bổ sung kế hoạch vốn 545 triệu đồng cho 02 danh mục dự án.

(Chi tiết danh mục dự án và kế hoạch vốn tại biểu Phụ lục III kèm theo)

b) Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết năm 2020 chuyển sang năm 2021 (93,902 tỷ đồng): đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 3,718 tỷ đồng của 05 danh mục dự án để bổ sung kế hoạch vốn 3,718 tỷ đồng cho 06 danh mục dự án.

(Chi tiết danh mục dự án và kế hoạch vốn tại biểu Phụ lục IV kèm theo)

Trên đây là nội dung về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 và năm 2020 chuyển sang năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị *(kèm theo dự thảo Nghị quyết và biểu phụ lục)*.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (iO);
- LĐVP UBND tỉnh (iO);
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Tư pháp (iO);
- Phòng TH (Nh41);
- Lưu: VT, Ktr59/11.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi

PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 (NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ)
 (Kèm theo Tờ trình số 183/Tr-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		* Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 (tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn NSTT năm 2021		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
					TMDT		TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT				Tăng (+)	Giảm (-)
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT										
I						2.129.155	1.214.505	2.119.629	1.205.032	555.488	154.548	471.000	33.706	33.706	471.000			
I						81.675	55.675	81.600	55.600	41.600	16.600	12.800		300	12.500			
(1)						81.675	55.675	81.600	55.600	41.600	16.600	12.800		300	12.500			
a						7.942	7.942	7.867	7.867	5.000	5.000	2.800		300	2.900			
1	7626031	Các huyện: NC, PT, TVT	Các hạng mục lâm sinh và HTKT	2019 - 2021	795/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	7.942	7.942	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867	5.000	5.000	2.800	300	2.500	Giảm giá sau đấu thầu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
b						73.733	47.733	73.733	47.733	36.600	11.600	10.000			10.000			
1	7599744	Các huyện	299 ha	2016 - 2021	14/NQ-HĐND ngày 09/10/2020; 130/NQ-HĐND ngày 28/6/2016; 306/NQ-HĐND ngày 09/10/2017; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	73.733	47.733	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1585/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	73.733	47.733	36.600	11.600	10.000		10.000			Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
II						117.768	117.768	115.848	115.848	42.224	42.224	23.200		1.990	21.210			
(1)						68.063	68.063	66.145	66.145	41.555	41.555	8.200		1.990	6.210			
a						68.063	68.063	66.145	66.145	41.555	41.555	8.200		1.990	6.210			
1	7524410	TP. Cà Mau	Công trình giao thông (đường đô thị), cấp III	2019 - 2021	1672/QĐ-UBND ngày 20/10/2015; 1871/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	42.400	42.400	541/QĐ-UBND ngày 20/3/2016; 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2019	40.482	40.482	22.381	22.381	4.000		1.990	2.010	Dự án đã hoàn thành	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	7685902	H. Phú Tân	Công trình giao thông, cấp III	2019 - 2022	1736/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 968/QĐ-UBND ngày 01/6/2020; 1999/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	25.663	25.663	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	25.663	25.663	19.174	19.174	4.200			4.200		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
(2)						49.705	49.705	49.703	49.703	669	669	15.000			15.000			
a						49.705	49.705	49.703	49.703	669	669	15.000			15.000			
1	7639406	H. U Minh	3.016 m	2021 - 2023	1418/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	49.705	49.705	2255/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	49.703	49.703	669	669	15.000			15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
III						108.831	107.090	105.732	103.991	448	448	65.800	2.000	2.510	65.290			
(1)						108.831	107.090	105.732	103.991	448	448	65.800	2.000	2.510	65.290			
a						108.831	107.090	105.732	103.991	448	448	65.800	2.000	2.510	65.290			
1	7817444	H. TVT	693 m	2021 - 2023	1792/QĐ-UBND ngày 18/10/2019; 1919/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	61.858	61.858	2081/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.441	59.441	240	240	30.000			30.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
2	7874445	H. U Minh	2.000 m	2021 - 2023	683/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	14.949	14.949	423/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.273	14.273	208	208	14.000			14.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	7868692	H. Ngoc Hiên	2.150 m	2021-2023	1565/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	13.613	13.613	389/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	13.607	13.607			6.000	2.000		8.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án	Ủy ban nhân dân huyện Ngoc Hiên
4	7883949	H. Thới Bình	3.160,24 m	2021 - 2022	6290/UBND-XD ngày 28/10/2020	6.000	4.800	5474/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	6.000	4.800			4.800		1.010	3.790	Giảm giá sau đấu thầu và không sử dụng chi phí dự phòng	Hồ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
5	7898665	TP. Cà Mau	611,9m	2021 - 2022	1135/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của Chủ tịch UBND thành phố	12.411	11.870	1399/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của Chủ tịch UBND thành phố	12.411	11.870			11.000		1.500	9.500	Do thay đổi giá pháp thiết kế nên giảm kinh phí	Hồ trợ ngân sách thành phố Cà Mau
IV						23.844	23.844	23.830	23.830	238	238	10.960			10.960			
(1)						23.844	23.844	23.830	23.830	238	238	10.960			10.960			
a						23.844	23.844	23.830	23.830	238	238	10.960			10.960			
1	7817445	TP. Cà Mau	Công trình HTKT cấp III	2021 - 2023	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844	23.844	2063/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	23.830	23.830	238	238	10.960			10.960		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
V						567.973	131.769	567.973	131.769	35.268	8.316	500			500			



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công/hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 (tài Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn NSTT năm 2021		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT								
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang																		
a	Dự án nhóm B																		
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	TP. Cà Mau	Hệ thống thoát nước; nhà máy xử lý nước thải	Đến hết tháng 9 năm 2023	480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.973	131.769	567.973	131.769	35.268	8.316	500			500		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
VI KHU CÔNG NGHIỆP							431.826	62.337	431.807	62.318	295.540	300	47.000	9.200	13.995	42.205			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						392.021	22.532	392.021	22.532	295.240		19.000		13.995	5.005			
a	Dự án nhóm B						392.021	22.532	392.021	22.532	295.240		19.000		13.995	5.005			
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu tái định cư Khu kinh tế Năm Căn	7726973	H. Năm Căn	25 ha	2018-2021	09/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	217.078	12.588	217.078	12.588	130.240		12.500		12.500			Vướng mắt bằng, giá một số vật liệu xây dựng tăng đột biến và ảnh hưởng của dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ hoàn thành chung của các hạng mục công trình thuộc dự án	Ban Quản lý Khu kinh tế
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Bắc - Nam Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7554504	H. Năm Căn	4,2 Km	2015-2021	10/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	174.943	9.944	174.943	9.944	165.000		6.500		1.495	5.005	Không còn nhu cầu thanh toán	Ban Quản lý Khu kinh tế	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						39.805	39.805	39.786	39.786	300	300	28.000	9.200		37.200			
a	Dự án nhóm C						39.805	39.805	39.786	39.786	300	300	28.000	9.200		37.200			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An	7846650	H. U Minh	1.964 m	2020 - 2022	1382/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	39.805	39.805	39.786	39.786	300	300	28.000	9.200		37.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành, nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng trong năm 2021	Ban Quản lý Khu kinh tế	
VII KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ							9.295	5.624	9.290	5.624			5.624	9	5.615				
(1)	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025						9.295	5.624	9.290	5.624			5.624	9	5.615				
a	Dự án nhóm C						9.295	5.624	9.290	5.624			5.624	9	5.615				
1	Dự án đầu tư tăng cường năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương	7886073	TP. Cà Mau	Mua sắm thiết bị	2020 - 2021	659/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	9.295	5.624	9.290	5.624			5.624	9	5.615	Giảm giá sau đấu thầu	Sở Khoa học và Công nghệ		
VIII CÔNG NGHỆ THÔNG TIN							36.365	36.365	36.365	36.365			10.000		10.000				
(1)	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025						36.365	36.365	36.365	36.365			10.000		10.000				
a	Dự án nhóm C						36.365	36.365	36.365	36.365			10.000		10.000				
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	7899880	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm thiết bị	2021 - 2025	2065/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	36.365	36.365	36.365	36.365			10.000		10.000			Văn phòng Tỉnh ủy	
IX QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							506.806	449.261	502.764	445.267	124.595	70.847	206.658	22.506	2.133	227.031			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						201.280	147.487	200.945	147.197	121.495	67.747	69.800	1.750	860	70.690			
a	Dự án nhóm B						157.437	103.644	157.392	103.644	102.663	48.915	48.300	360	47.940				
1	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	7358582	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp II	2018 - 2020	13a/HĐND-TT ngày 14/7/2017	93.265	39.517	93.265	39.517	77.663	23.915	15.600		360	15.240	Dự án đã hoàn thành	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	7573814	TP. Cà Mau	3.991 m ²	2018 - 2020	362/HĐND-TT ngày 14/11/2017	64.172	64.127	64.127	64.127	25.000	25.000	32.700		32.700			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
b	Dự án nhóm C						43.843	43.843	43.553	43.553	18.832	18.832	21.500	1.750	500	22.750			
1	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước	7720568	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2019 - 2021	1323/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	14.578	14.578	14.578	14.578	4.570	4.570	8.000	1.750		9.750	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
2	Trụ sở hành chính xã Hiệp Trung, huyện Năm Căn	7749242	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2020 - 2022	1764/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	14.827	14.827	14.758	14.758	6.762	6.762	7.500		7.500			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	7816947	H. U Minh	Công trình dân dụng	2020 - 2021	868/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	14.438	14.438	14.217	14.217	7.500	7.500	6.000		500	5.500	Không còn nhu cầu thanh toán	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						305.526	301.774	301.819	298.070	3.100	3.100	136.858	20.756	1.273	156.341			
a	Dự án nhóm C						305.526	301.774	301.819	298.070	3.100	3.100	136.858	20.756	1.273	156.341			
1	Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau	7865652	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2022	1982/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	12.498	8.746	12.495	8.746			7.000	1.746		8.746	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 (tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Dự xuất điều chỉnh kế hoạch vốn NSTT năm 2021		Kế hoạch vốn NSTT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT				Tăng (+)	Giảm (-)
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT										
2	Công trình Nhà làm việc Huyện ủy Năm Căn và các cơ quan Đoàn thể huyện	7871420	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2022	2240/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	11.996	11.996	556/QĐ-SXD ngày 26/11/2020	11.996	11.996			5.000		5.000	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn				
3	Trụ sở hành chính xã Tân Lộc, huyện Thới Bình	7861622	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1904/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	12.161	12.161	407/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	12.103	12.103	600	600	8.000		8.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình				
4	Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình	7861624	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1903/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	9.456	9.456	409/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	9.245	9.245	600	600	7.000		7.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình				
5	Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	7861623	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1902/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	9.976	9.976	408/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	9.970	9.970	600	600	7.000		7.000	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình				
6	Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh	7874446	H. U Minh	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2043/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	14.800	14.800	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.467	14.467	600	600	6.000		6.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh				
7	Trụ sở hành chính xã Khánh Thuận, huyện U Minh	7885923	H. U Minh	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2042/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	14.913	14.913	422/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.784	14.784			6.000	3.000	9.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện U Minh			
8	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời	7882636	H. TVT	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2015/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	12.712	12.712	392/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	11.936	11.936			5.000	1.100	6.100	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
9	Trụ sở hành chính xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	7882637	H. TVT	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1942/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	14.495	14.495	385/QĐ-SXD ngày 29/10/2020	14.386	14.386			4.000	1.100	5.100	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
10	Trụ sở hành chính xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời	7882901	H. TVT	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2013/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	14.481	14.481	393/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	13.948	13.948			4.000	1.100	5.100	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
11	Trụ sở hành chính xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	7876632	H. TVT	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1943/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	14.492	14.492	384/QĐ-SXD ngày 29/10/2020	14.396	14.396			4.000	1.320	5.320	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
12	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cái Nước	7863930	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2014/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	14.832	14.832	394/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.832	14.832	400	400	9.000		9.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước			
13	Trụ sở hành chính thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7863929	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2017/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	13.623	13.623	396/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	13.623	13.623			9.000		9.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước			
14	Trụ sở hành chính xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	7894436	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2039/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	14.014	14.014	412/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.003	14.003			458		458		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
15	Trụ sở hành chính xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7887072	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2047/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	10.674	10.674	411/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	9.836	9.836			8.900	1.273	7.627	Do vướng mắc bình địa di dời lưới điện và ảnh hưởng của dịch COVID-19 trong thời gian gần cách xã hội	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
16	Trụ sở hành chính xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi	7886120	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1833/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.949	14.949	383/QĐ-SXD ngày 29/10/2020	14.805	14.805			11.000		11.000		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
17	Trụ sở hành chính xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	7871418	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1831/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.989	14.989	381/QĐ-SXD ngày 28/10/2020	14.974	14.974			4.000	3.000	7.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn			
18	Trụ sở hành chính xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7871422	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1832/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.967	14.967	376/QĐ-SXD ngày 27/10/2020	14.967	14.967			4.000	3.400	7.400	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn			
19	Trụ sở hành chính xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển	7891808	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2040/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	14.892	14.892	418/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.892	14.892			4.000	3.000	7.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
20	Trụ sở hành chính phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau	7865926	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1262/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	14.910	14.910	404/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.911	14.911	300	300	7.000	1.990	8.990	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
21	Trụ sở hành chính phường Tân Thành, thành phố Cà Mau	7862632	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1687/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	14.935	14.935	405/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.926	14.926			7.000		7.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
22	Trụ sở hành chính xã Tân Thành, thành phố Cà Mau	7865174	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1757/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	13.664	13.664	414/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	13.227	13.227			7.000		7.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau			
23	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo Trụ sở UBND huyện Ngọc Hiển	7902524	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2021-2022	2191/QĐ-UBND ngày 17/1/2020	7.097	7.097	09/QĐ-SXD ngày 21/01/2021	7.097	7.097			2.500		2.500		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
X	QUỐC PHÒNG, AN NINH						130.254	110.254		129.902	109.902	15.100	15.100	19.700		1.684	18.016				
(1)	Các dự án giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						49.993	29.993		49.993	29.993	15.100	15.100	8.700		771	7.929				
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Trung trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	H. U Minh	Công trình dân dụng	2019 - 2021	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000	5.000	5.000	1.000		771	222	Giảm giá sau đấu thầu và không sử dụng chi phí dự phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau		
2	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục tại các Trạm kiểm soát Biên phòng Đả Bạc, Bỏ Đố, Hồ Gui và Khánh Hội	7004686	Các huyện: TVT, NH, ĐD, UM	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2022	1758/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2452/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	23.993	23.993	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1257/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	23.993	23.993	10.100	10.100	7.700		7.700		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau			
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						80.261	80.261		79.909	79.909			11.000		913	10.087				
a	Dự án nhóm B						80.261	80.261		79.909	79.909			11.000		913	10.087				
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	7004692	Các H, TP	40 trụ số	2021 - 2025	2003/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	80.261	80.261	2094/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	79.909	79.909			11.000		913	10.087	Giảm giá sau đấu thầu và một số chi phí không sử dụng	Công an tỉnh Cà Mau		
XI	QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỶ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	7783650	Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch	2020 - 2021	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	475	475	16.000		16.000		Sở Kế hoạch và Đầu tư			
XII	QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH NÔNG THÔN		Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch			30.000	30.000		30.000	30.000			23.738		23.738		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai (kể cả hỗ trợ cho các huyện, thành phố)			
XIII	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TON ĐỒNG KHI QUYẾT TOÁN						25.000	25.000		25.000	25.000			25.000		10.000	15.000	Nhu cầu sử dụng là 15.000 triệu đồng	Sở Tài chính phân khai sử dụng		
XIV	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ													4.980		1.085	3.895		Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai		

* Ghi chú: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cập nhật thông tin chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục ngân sách theo quy định đối với từng dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 (tức Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)		Để xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 sau điều chỉnh	Ngày ấn bản, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư	
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
I		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
	Trường Tiểu học Trí Phú Tây, xã Trí Lạc	7848148	Xã Trí Lạc	Công trình dân dụng	2020 - 2023	3526/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	12.253	11.800	5208/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.792	11.800			9.800	2.000			11.800	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện		
	Trường Mầm non Hoa Sen, xã Trí Phú	7849151	Xã Trí Phú	Công trình dân dụng	2020 - 2023	3539/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	14.999	12.000	5204/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.919	12.000			12.000				12.000			
	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Thới Bình	7849150	TT. Thới Bình	Công trình dân dụng	2020 - 2023	3534/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	9.993	8.910	5206/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	9.993	8.910			7.900	1.010			8.910	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện		
15.8	Huyện Ngọc Hiển		H. Ngọc Hiển				33.709	26.275		33.614	26.275			25.000	1.275			26.275	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển		
	Trường Tiểu học 1 thị trấn Rạch Gốc	7886155	TT. Rạch Gốc	Công trình dân dụng		2131/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.800	11.800	2317/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	14.736	11.800			11.800				11.800			
	Trường Tiểu học 2 xã Viên An (điểm Ông Lĩnh)	7887953	Xã Viên An	Công trình dân dụng		2132/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.417	2.400	2319/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	2.417	2.400			2.400				2.400			
	Trường Tiểu học 1 xã Đê Mũi	7888841	Xã Đê Mũi	Công trình dân dụng		2133/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	11.874	8.000	2320/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	11.874	8.000			8.000				8.000			
	Trường Mẫu giáo xã Tân Ân	7884337	Xã Tân Ân	Công trình dân dụng		2134/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.273	1.125	2321/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	1.242	1.125			800	325			1.125	Thanh toán khối lượng thực hiện		
	Trường Tiểu học 2 xã Viên An	7884333	Xã Viên An	Công trình dân dụng		2135/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.345	2.950	2318/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	3.345	2.950			2.000	950			2.950	Thanh toán khối lượng thực hiện		
15.9	Huyện Đầm Dơi		H. Đầm Dơi				49.148	38.600		47.949	38.600			38.600				38.600	Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		
	Trường Tiểu học Ngô Bình An, thị trấn Đầm Dơi	7880595	TT. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2020 - 2021	521/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	12.000	9.500	770/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	11.990	9.500			9.500				9.500			
	Trường Mẫu giáo Thanh Tùng, xã Thanh Tùng	7880597	Xã Thanh Tùng	Công trình dân dụng	2020 - 2021	519/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	7.000	5.500	772/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.936	5.500			5.500				5.500			
	Trường Mầm non Cái Keo, xã Quách Phẩm	7880599	Xã Quách Phẩm	Công trình dân dụng	2020 - 2021	517/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	7.143	5.300	771/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.648	5.300			5.300				5.300			
	Trường Tiểu học Hiệp Bình, xã Tân Đức	7880596	Xã Tân Đức	Công trình dân dụng	2021 - 2022	518/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	12.007	9.600	809/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	12.007	9.600			9.600				9.600			
	Trường Tiểu học Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh	7880598	Xã Ngọc Chánh	Công trình dân dụng	2021 - 2022	696/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	6.991	5.500	809/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	6.446	5.500			5.500				5.500			
	Trường Tiểu học Tân Dân, xã Tân Dân	7881124	Xã Tân Dân	Công trình dân dụng	2021 - 2022	695/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	4.007	3.200	808/QĐ-UBND ngày 09/11/2020	3.922	3.200			3.200				3.200			
II	Y TẾ						3.937.720	1.446.816		3.945.865	1.455.638	81.276	24.330	116.332		34.397		81.935			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020						289.761	146.170		297.929	155.015	81.276	24.330	72.000		1.842		70.158			
a	Dự án nhóm B						289.761	146.170		297.929	155.015	81.276	24.330	72.000		1.842		70.158			
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau	7570996	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2021	107/HĐND-TT ngày 06/6/2016	194.761	137.870	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	194.761	137.870	81.276	24.330	69.000				69.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)	7867620	Các huyện, thành phố	23 trạm y tế xã	2019 - 2024	1467/QĐ-TT ngày 02/11/2018, 758/QĐ-TT ngày 19/6/2019	95.000	8.300	2036/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	103.168	17.145			3.000	1.842		1.158		Do đến tháng 10 dự án mới được phê duyệt quyết định đầu tư nên thời gian còn lại trong năm 2021 không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao	Sở Y tế	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						3.647.959	1.300.646		3.647.936	1.300.623			44.332		32.555		11.777			
a	Dự án nhóm A						3.322.575	975.262		3.322.575	975.262			14.332		12.555		1.777			
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh (chuẩn bị đầu tư)	7602257	TP. Cà Mau	1.200 giường	2021 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020, 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	3.322.575	975.262		3.322.575	975.262			14.332		12.555		1.777		Do tình hình dịch bệnh dự án chậm thông qua Thường vụ Tỉnh ủy dẫn nay phương án kiến trúc công trình chưa được phê duyệt. Thời gian còn lại từ nay đến cuối năm 2021 không triển khai kịp bước lập dự án, thiết kế nên không có khả năng giải ngân vốn còn lại	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
b	Dự án nhóm B						313.438	313.438		313.415	313.415			20.000		20.000		0			
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng chung các công trình lĩnh vực y tế	7874567	TP. Cà Mau	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2021-2024	2379/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	313.438	313.438	2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	313.415	313.415			20.000		20.000				Năm 2021, chủ yếu thực hiện công tác GPMB sử dụng từ nguồn vốn Quỹ phát triển đất của tỉnh, chưa giải ngân chi phí xây dựng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
c	Dự án nhóm C						11.946	11.946		11.946	11.946			10.000		10.000		0			
1	Dự án đầu tư trang thiết bị xử lý chất thải y tế (thiết bị hấp chất thải lây nhiễm) cho các bệnh viện, trung tâm y tế huyện, thành phố Cà Mau chưa được trang bị		Trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Công trình dân dụng, cấp III	2021-2023	2078/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	11.946	11.946	97/QĐ-SXD ngày 11/6/2021	11.946	11.946			10.000		10.000				Sở Y tế	
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN						54.020	53.311		54.001	53.292	8.000	8.000	25.000				25.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020						29.506	29.506		29.488	29.488	8.000	8.000	10.000				10.000			
a	Dự án nhóm C						29.506	29.506		29.488	29.488	8.000	8.000	10.000				10.000			
1	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7807092	H. Thới Bình	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp các hạng mục công trình	2020 - 2022	1174/QĐ-UBND ngày 13/8/2015, 1836/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	29.506	29.506	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.488	29.488	8.000	8.000	10.000				10.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						24.514	23.805		24.513	23.804			15.000				15.000			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 (tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Dự xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tăng (+)	Giảm (-)
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
a	Dự án nhóm C						24.514	23.805		24.513	23.804			15.000			15.000				
1	Công trình tu bổ di tích Khu tưởng niệm hai vị liệt sĩ quân Đổ Thôn Lương - Đổ Thôn Tư	7862632	TP. Cà Mau	Các hạng mục công trình	2021 - 2022	2155/QĐ-UBND ngày 05/12/2019	1.709	1.000	406/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	1.709	1.000			1.000			1.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
2	Khu Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Năm Căn	7871421	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2076/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.459	14.459	415/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.459	14.459			8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
3	Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Ngọc Hiển	7885790	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2072/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.346	8.346	416/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	8.345	8.345			6.000			6.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
IV	TRUYỀN HÌNH						29.987	29.987		29.987	29.987	10.700	10.700	10.000			10.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020						29.987	29.987		29.987	29.987	10.700	10.700	10.000			10.000				
a	Dự án nhóm C						29.987	29.987		29.987	29.987	10.700	10.700	10.000			10.000				
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	7817027	TP. Cà Mau	Xe truyền hình lưu động chuẩn HD	2020 - 2022	1876/QĐ-UBND ngày 17/10/2019, 2153/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	29.987	29.987	1174/QĐ-UBND ngày 13/08/2015	29.987	29.987	10.700	10.700	10.000			10.000		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau		
V	DU LỊCH						133.754	23.754		133.639	23.639	115.700	10.000	12.000		117	11.883				
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020						133.754	23.754		133.639	23.639	115.700	10.000	12.000		117	11.883				
a	Dự án nhóm B						133.754	23.754		133.639	23.639	115.700	10.000	12.000		117	11.883				
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng điểm du lịch Đắc Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau	7560286	H. Ngọc Hiển	Nhiều hạng mục	2016 - 2021	36/HĐND-TT ngày 18/02/2016, 07/NQ-HĐND ngày 10/7/2020	133.754	23.754	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016, 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	23.639	115.700	10.000	12.000		117	11.883	Điều chỉnh giảm khối lượng một số hạng mục công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
VI	XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						741.283	697.364		734.947	692.369	170.572	170.572	307.156	14.310	2.967	318.499				
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020						329.226	329.226		327.283	327.283	169.732	169.732	71.200	1.067	357	71.910				
a	Dự án nhóm B						90486	90486		88954	88954	33111	33111	37000			37000				
1	Cầu bắc ngang sông Cày Tàu, huyện U Minh	7596751	H. U Minh	HL93 (chiều dài 230m)	2020 - 2022	79/HĐND-TT ngày 05/4/2016	90.486	90.486	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954	33.111	33.111	37.000			37.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
b	Dự án nhóm C						238.740	238.740		238.329	238.329	136.621	136.621	34.200	1.067	357	34.910				
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Rạch Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	H. U Minh	2.232 m	2014 - 2021	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2016	126.362	126.362	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2016, 2917/UBND-SXD ngày 12/5/2020	126.362	126.362	71.927	71.927	8.000	950		8.950	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
2	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tương, huyện Trần Văn Thời	7610805	H. TVT	Cấp VI đồng bằng	2018 - 2021	67/QĐ-UBND ngày 12/01/2017	44.582	44.582	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 2560/QĐ-UBND-SXD ngày 31/12/2020	44.350	44.350	29.457	29.457	6.700	117		6.817	Thành toán một số hạng mục công trình điều chỉnh, phát sinh	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
3	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi	7636415	H. Đầm Dơi	HL93	2018 - 2020	1352/QĐ-UBND ngày 03/8/2017	34.692	34.692	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520	17.729	17.729	6.500	252		6.248	Không còn nhu cầu thanh toán	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
4	Cầu Cơn Nồm và cầu Kênh Dưng, huyện Trần Văn Thời	7652205	H. Trần Văn Thời	HL93	2020 - 2022	1654/QĐ-UBND ngày 27/9/2016, 978/QĐ-UBND ngày 01/6/2020	33.104	33.104	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017, 1310/QĐ-UBND ngày 14/7/2020	33.097	33.097	17.508	17.508	13.000	105		12.995	Điều chỉnh giảm khối lượng một số hạng mục công trình	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						286.819	268.682		283.330	265.530	840	840	145.600	4.143	2.610	147.133				
a	Dự án nhóm C						286.819	268.682		283.330	265.530	840	840	145.600	4.143	2.610	147.133				
1	Dự án xây dựng tuyến đường từ xã Tân Trung (đầu nối đường Lương Thế Trân - Đầm Dơi) đến đường trục chính Đông - Tây	7817443	H. Đầm Dơi	4,78 km: 02 cầu	2021 - 2023	1903/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	44.035	44.035	2093/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	44.021	44.021	440	440	25.000			25.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án đầu tư nâng cấp đoạn đường từ cầu Ông Chơn xã Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cày xã Khánh An, huyện U Minh	7870010	H. U Minh	9,2 km đường; xây dựng một 05 cầu	2021 - 2023	1566/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	46.112	46.112	2229/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	46.081	46.081			15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh		
3	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân Tây (đoạn từ cầu Rạch Dinh đến cầu Đâu Đước), huyện Ngọc Hiển	7880709	H. Ngọc Hiển	4.140 m	2021 - 2022	2067/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.889	14.889	1012/QĐ-SCTVT ngày 12/11/2020	14.556	14.556			10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Ranh Hát, xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7862631	H. Thới Bình	06 km đường; xây dựng một 04 cầu	2021 - 2023	1940/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	35.905	35.905	2261/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	35.892	35.892			20.000			20.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
5	Tuyến đường dẫn từ đường Hồ Chí Minh đến Đầm Điền phông Đắc Mũi, huyện Ngọc Hiển	7868699	H. Ngọc Hiển	2.100 m	2020 - 2021	1738/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	11.422	6.800	2274/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	11.210	6.800			6.800			6.800		Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển		
6	Nâng cấp tuyến đường kênh Đường Đào - kênh Dương Xuân, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	7849159	H. Thới Bình	5.402 m	2020 - 2021	3413/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	9.216	7.000	3909/QĐ-UBND ngày 26/8/2020	8.977	7.180			7.000	180		7.180	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 (tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư		
						TMDT		TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tăng (+)	Giảm (-)
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT												
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Phú Mỹ - Phú Thuận, huyện Phú Tân	7880328	H. Phú Tân	10,5 km	2021 - 2022	3136/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	14.958	11.900	3229/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.958	11.963		8.000	3.963	11.963	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân				
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Hồ Giải, xã Tam Giang (từ kênh 5 đến Hồ Giải), huyện Năm Căn	7865952	H. Năm Căn	6.641 m	2020 - 2022	492/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.999	11.900	617/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.904	11.900		11.900		11.900		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn				
9	Nâng cấp tuyến đường Nam Bá Đăng (đoạn từ thị trấn Thời Bình đến xã Thời Bình), huyện Thời Bình	7861159	H. Thời Bình	5.957 m	2020 - 2022	4183/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	10.061	8.000	5402/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	9.826	8.000		8.000		8.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thời Bình				
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Thủng Tung đến Trường Tiểu học Tân Điền, huyện Đầm Dơi	7880660	H. Đầm Dơi	2.700 m	2020 - 2021	713/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	14.981	11.900	769/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.943	11.900		11.900		11.900		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi				
11	Cầu Vân Bươm, thành phố Cà Mau	7865170	TP. Cà Mau	42,7 m	2020 - 2021	4303/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	7.393	7.393	4480/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 1229/QĐ-UBND ngày 07/4/2021	5.115	4.390		7.000	2.610	4.390	Điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư	Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau				
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Bôn phá xã Hiệp Tùng-Lâm Trường 184 đến Bôn phá qua xã Tam Giang, cầu nối đường 03 đến trung tâm xã Tam Giang, Tam Giang Tây	7864569	H. Năm Căn	06km, 03 cầu	2021-2023	1953/QĐ-UBND ngày 16/10/2020	62.848	62.848	2281/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	62.847	62.847	400	400	15.000		15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
(3)	Hỗ trợ các huyện, thành phố xây dựng nông thôn mới						125.238	99.456		124.334	99.456		90.356	9.100	99.456						
1	Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nông thôn tuyến từ cầu Chùa đến cầu Nhà Việc, xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau		TP. Cà Mau	Công trình giao thông cấp IV, 3,7km, 03 cầu	2019-2021	2741/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	11.668	9.000	4358/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	11.167	9.000		9.000		9.000		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau				
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến L6 4 - kênh 6, ấp Tân Hiệp và Tân Thành A, xã Tân Điền, huyện Đầm Dơi		H. Đầm Dơi	Công trình giao thông cấp IV, 7,2km	2021	337/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	14.450	10.000	408/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	14.450	10.000		10.000		10.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi				
3	Trường Mầm non Hoa Mai, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thời Bình		H. Thời Bình	Công trình dân dụng, cấp III	2020-2021	3527/QĐ-UBND ngày 21/7/2020	7.626	6.500	5203/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.626	6.500		5.000	1.500	6.500	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Thời Bình				
4	Trường Tiểu học Thới Hòa, xã Thời Bình, huyện Thời Bình		H. Thời Bình	Công trình dân dụng, cấp III	2020-2021	4802/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	11.757	9.000	5551/QĐ-UBND ngày 01/12/2020	11.757	9.000		7.000	2.000	9.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Thời Bình				
5	Nâng cấp mở rộng tuyến Bắc Ông Sĩa, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh		H. U Minh	Công trình giao thông cấp IV, 1,7km, 01 cầu	2020-2021	1515/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	2.997	2.400	1974/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	2.997	2.400		2.400		2.400		Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh				
6	Xây dựng tuyến lộ kênh L6 2, xã Khánh Thuận, huyện U Minh		H. U Minh	Công trình giao thông cấp IV	2020-2021	1318/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	1.933	1.650	1352/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, 1384/QĐ-UBND ngày 04/10/2021	1.684	1.650		1.200	450	1.650	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện U Minh				
7	Trường Mầm non Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời		H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng, cấp III	2021-2022	1556/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	14.991	8.956	2511/QĐ-UBND ngày 10/5/2021	14.991	8.956		8.956		8.956		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời				
8	Đường giao thông nông thôn tuyến bờ Đông Kênh Hàng Hàng Me, ấp Kinh Hàng, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời		H. Trần Văn Thời	Công trình giao thông cấp IV	2021	1576/QĐ-UBND ngày 20/4/2021	4.475	3.500	2196/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	4.475	3.500		3.500		3.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời				
9	Tuyến Đê Đông, xã Lương Thới, huyện Cái Nước		H. Cái Nước	Công trình giao thông cấp IV	2021-2022	811/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	7.200	7.000	2429/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	7.153	7.000		5.800	1.200	7.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước				
10	Tuyến đường Kênh S6, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước		H. Cái Nước	Công trình giao thông cấp IV	2021	812/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	5.600	5.500	2431/QĐ-UBND ngày 04/6/2021	5.599	5.500		4.500	1.000	5.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước				
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ bê tông kênh Giấp Nước (từ Bìa Mệt trở lại phông thống nhất Miền Nam, tỉnh Cà Mau đến tuyến lộ cấp VI đồng bằng và Khu căn cứ Xẻo Đước), xã Phú Thuận, huyện Phú Tân		H. Phú Tân	Công trình giao thông cấp IV	2020-2021	1485/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	6.077	5.750	1485/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	6.077	5.750		4.800	950	5.750	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân				
12	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Phú Tân		H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2020-2021	2520/QĐ-UBND ngày 11/10/2019	6.527	5.000	2976/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.527	5.000		5.000		5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Phú Tân				
13	Xây dựng lộ giao thông nông thôn từ ấp Ông Chàng đến ấp Phông Hò, xã Đất Mũi, huyện Năm Căn (hạng mục: xây dựng mặt lộ bê tông cốt thép)		H. Năm Căn	Công trình giao thông cấp IV	2021 - 2022	178/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	6.393	6.000	204/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	6.328	6.000		6.000		6.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn				
14	Xây dựng lộ giao thông nông thôn ấp Nà Chàm, xã Lâm Hải, huyện Năm Căn (hạng mục: xây dựng mặt lộ bê tông cốt thép)		H. Năm Căn	Công trình giao thông cấp IV	2021 - 2022	177/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	2.749	2.200	202/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	2.749	2.200		2.200		2.200		Hỗ trợ ngân sách huyện Năm Căn				
15	Xây dựng tuyến đường dân sinh từ cầu Thủy Đợi (đường 03 đến trung tâm xã) đến bến phà Hàng Chèo xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		H. Ngọc Hiển	Công trình giao thông cấp IV, 3,9km, 02 cầu	2021-2022	797/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	9.613	8.000	1389/QĐ-UBND ngày 9/6/2021	9.572	8.000		7.000	1.000	8.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển				
16	Xây dựng tuyến đường từ cầu Xẻo Lã đến ngọn Kênh Cung, xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển		H. Ngọc Hiển	Công trình giao thông cấp IV, 9,5km, 05 cầu	2021-2022	798/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	11.182	9.000	1392/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	11.182	9.000		8.000	1.000	9.000	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện	Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển				
VII ƯNG PHÓ VOI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							1.642.514	365.941		1.642.514	362.301	598.417	78.861	59.425	17.704	1.698	75.431				
(1)	Các dự án chuyển tiếp						1.538.133	345.313		1.538.133	341.673	598.417	78.861	54.250	3.804	1.400	56.654				
a	Dự án nhóm B						1.538.133	345.313		1.538.133	341.673	598.417	78.861	54.250	3.804	1.400	56.654				
1	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống sóng to bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững BUSCL - ICRLS"	7605935	Các huyện: NH, NC, ĐD, PT, UM, TVT	Đầu tư CSHT phòng chống sóng to bờ biển	2016 - 2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	116.265	1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	792.883	112.625	228.157	38.299	10.000	2.000	12.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Đổi ứng Dự án "Khai bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (KfW)	7731818	H. U Minh	9.917 m	2017 - 2022	617/QĐ-TTg ngày 08/5/2017	230.965	57.120	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017	230.965	57.120		200		200	Đa Ban CPO Lâm Nghiệp (Bộ NN&PTT) chưa đầu tư vốn quốc tế nên chưa thể triển khai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
3	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gây bồi tạo bãi trồng rừng cửa sông, ven biển	7738767	Các huyện: PT, NH, NC	- Trồng 216,5ha rừng; - 2.100m bãi; - 16.500m tương mềm	2018 - 2024	24/NQ-HĐND ngày 04/10/2019	179.579	18.000	1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018, 2045/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	179.579	18.000	160.673	6.700		400	5.900	Đợt gian thực hiện chậm sóc, bảo vệ rừng (công trình lâm nghiệp) đến năm 2023 nên không giải ngân hết KHV năm 2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 (tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chú đầu tư				
						Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
4	Dự án Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020	7536253	Các huyện	531,22 ha	2015 - 2021		90.264	3.350	1253/QĐ-UBND ngày 26/8/2015; 826/QĐ-UBND ngày 13/5/2016; 1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018		90.264	3.350	67.299	1.812	1.350		400	950	Thời gian thực hiện một số gói thầu kéo dài đến năm 2022, không thể giải ngân trong năm 2021	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp bến cá Khánh Hội, huyện U Minh	7027480	H. U Minh	700 chiếc/150CV	2016 - 2021	11/NQ-HĐND ngày 19/7/2021; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	140.871	47.007	1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015; 1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020; 1064/QĐ-UBND ngày 03/6/2021; 1603/QĐ-UBND ngày 20/8/2021		140.871	47.007	89.255	19.300	21.000	1.804	22.804	Bổ sung thêm vốn để thanh toán chi phí GPMB	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời	7006177	H. TVT	20,1 ha	2020 - 2024		103.571	103.571	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009; 1540/QĐ-UBND ngày 12/8/2020		103.571	103.571	53.033	19.450	15.000		15.000		Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT				
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						104.381	20.628			104.381	20.628			5.175	13.900	298	18.777					
a	Dự án nhóm B						88.928	5.175			88.928	5.175			5.175	298	4.877						
1	Kế hoạch Phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2021	Nhiều công trình			2021		88.928	5.175	997/QĐ-UBND ngày 25/5/2021		88.928	5.175			5.175	298	4.877	Không còn chủ đầu tư thành toán	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng				
b	Dự án nhóm C						15.453	15.453			15.453	15.453			13.900		13.900						
1	Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở đất biển Tây, đoạn từ Vàm T29+1.300m hướng về Vàm Khánh Hội, xã Khánh Hội, huyện U Minh		H. U Minh	625m	2021 - 2022		9.002	9.002	1173/QĐ-SNN ngày 25/8/2021		9.002	9.002			8.100		8.100	Bổ sung danh mục và KHV để thực hiện công trình theo Lệnh khẩn cấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
2	Công trình xử lý khẩn cấp khắc phục sạt lở đất biển Tây, đoạn từ Vàm T29+700m hướng về Vàm T29, xã Khánh Hội, huyện U Minh		H. U Minh	1.000m	2021 - 2022		6.451	6.451	1172/QĐ-SNN ngày 25/8/2021		6.451	6.451			5.800		5.800	Bổ sung danh mục và KHV để thực hiện công trình theo Lệnh khẩn cấp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
VIII	DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG						778.310	778.310			775.581	775.581	245.095	245.095	196.597	12.485	12.000	197.082					
(1)	Các dự án chuyển tiếp						381.723	381.723			381.723	381.723	244.195	244.195	43.597	11.317		54.914					
a	Dự án nhóm B						301.835	301.835			301.835	301.835	189.402	189.402	33.700	1.600		35.300					
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu bắc qua kênh Ngõ Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	TP. Cà Mau	Công trình giao thông cấp III	2015 - 2020		231.080	231.080	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013		231.080	231.080	148.644	148.644	13.700		13.700		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau				
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu qua sông Cái Dồi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	H. Phú Tân	Công trình giao thông cấp III	2017 - 2021	1542/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 1977/QĐ-UBND ngày 15/11/2016	70.755	70.755	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017; 1470/QĐ-UBND ngày 04/8/2020		70.755	70.755	40.758	40.758	20.000	1.600		21.600	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông			
b	Dự án nhóm C						79.888	79.888			79.888	79.888	54.793	54.793	9.897	9.717		19.614					
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Phan Ngọc Hiển (nối dài), huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	7603666	H. Phú Tân	Công trình giao thông cấp IV	2020-2021		79.888	79.888	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2471/QĐ-UBND ngày 28/12/2020		79.888	79.888	54.793	54.793	9.897	9.717		19.614	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông			
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						396.587	396.587			393.858	393.858	900	900	153.000	1.168	12.000	142.168					
a	Dự án nhóm B						247.834	247.834			247.821	247.821	500	500	110.000		12.000	98.000					
1	Tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường	7859742	Các huyện PT, CN, TVT	2.938 m	2021 - 2023	1723/QĐ-UBND ngày 11/9/2020	146.414	146.414	2091/QĐ-UBND ngày 30/10/2020		146.401	146.401			70.000		70.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
2	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vinh (ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn	7859367	H. Năm Căn	9 km	2021 - 2024	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	101.420	101.420	2280/QĐ-UBND ngày 27/11/2020		101.420	101.420	500	500	40.000	12.000	28.000	Đề phương án GPMB chưa được phê duyệt nên không thể giải ngân hết KHV được giao	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
b	Dự án nhóm C						148.753	148.753			146.037	146.037	400	400	43.000	1.168	44.168						
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ ngã tư Xóm Ruộng đến thị trấn Đầm Dơi), huyện Đầm Dơi	7825447	H. Đầm Dơi	3.053 m	2021 - 2023	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876	58.876	1897/QĐ-UBND ngày 09/10/2020		57.976	57.976	400	400	20.000		20.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
2	Cầu Nông Trường trên tuyến đường Tắc Thờ - Rạch Ràng - Sông Đốc	7863931	H. U Minh	Cầu HL.93	2021 - 2023	1427/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	75.035	75.035	2036/QĐ-UBND ngày 28/10/2020		74.997	74.997			20.000	1.168	21.168	Bổ sung thêm vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
3	Tuyến đường đầu tư từ cầu qua sông Đường Kéo đến đường 13/12 huyện Ngọc Hiển	79011344	H. Ngọc Hiển	814m	2021-2022	2268/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	14.842	14.842	08/QĐ-SXD ngày 21/01/2021		13.064	13.064			3.000		3.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển				
IX	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						1.452.098	818.518			551.558	551.558			10.114		3.000	7.114	Như cầu thanh toán trong năm 2021 là 7.114 triệu đồng	Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai			
X	DỰ PHÒNG						86.634	86.634			86.634	86.634			15.000		15.000						

* Ghi chú: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cập nhật thông tin chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục ngân sách theo quy định đối với từng dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

PHỤ LỤC III

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 183 /TTr-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn NSTT năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn NSTT năm 2020 chuyển sang năm 2021 (tức NQ số 08/NQ-HĐND ngày 19/3/2021)	Dự xuất điều chỉnh kế hoạch vốn NSTT năm 2020 chuyển sang năm 2021		Kế hoạch vốn NSTT năm 2020 chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
			Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT				Tăng (+)	Giảm (-)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT																	
	TỔNG SỐ			163.072	138.536	5.646	5.646	139.823	119.823	68.225	68.225	61.943	41.943	36.716	7.166	545	545	7.166			
	A HẠ TẦNG ĐÔ THỊ			11.729	11.729			11.700	11.700	352	352	7.800	7.800	7.579	1.496		520	976			
	<i>I Dự án khởi công mới năm 2020</i>			11.729	11.729			11.700	11.700	352	352	7.800	7.800	7.579	1.496		520	976			
1	Bộ kê từ cống Rạch Ráng đến Trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời	7635201	221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017; 615/QĐ-SXD ngày 24/12/2020	11.729	11.729			11.700	11.700	352	352	7.800	7.800	7.579	1.496		520	976	Do giám quy mô đầu tư vỉa hè từ 5m xuống còn 2m	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
	B KHÔI ĐĂNG, NHÀ NƯỚC			76.186	71.650	5.646	5.646	57.554	57.554	36.304	36.304	17.031	17.031	13.103	4.592	545		5.137			
	<i>I Dự án chuyển tiếp</i>			76.186	71.650	5.646	5.646	57.554	57.554	36.304	36.304	17.031	17.031	13.103	4.592	545		5.137			
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	1.852	3.148			3.148		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			8.616	8.616	4.200	4.200	3.500	3.500	2.895	605	445		1.050	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
3	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	7.791	7.791	7.616	639	100		739	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
4	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	740	740	740	200			200		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
	C QUỐC PHÒNG - AN NINH			75.157	55.157			70.569	50.569	31.569	31.569	37.112	17.112	16.034	1.078		25	1.053			
	<i>I Dự án chuyển tiếp</i>			75.157	55.157			70.569	50.569	31.569	31.569	37.112	17.112	16.034	1.078		25	1.053			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Trao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			25.000	5.000	3.982	1.018			1.018		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			44.569	44.569	31.569	31.569	12.112	12.112	12.052	60		25	35	Không còn nhu cầu thanh toán	Công an tỉnh Cà Mau	

PHỤ LỤC IV
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2020 CHUYỂN SANG NĂM 2021
 (Kèm theo Tờ trình số 183 /Tr-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư						Lấy kế vốn bù từ khi công đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bù trừ		Đã giải ngân kế hoạch vốn XSKT năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021 (tại NQ số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
		Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)				Giảm (-)
			Tổng số (tỉ cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT																		
1	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21			
			2.227.541	1.072.366	178.492		1.409.732	606.878	677.298	181.388	574.687	389.687	301.954	93.901	3.718	3.718	93.901					
A	LĨNH VỰC Y TẾ		238.466	238.466			231.371	231.371	93.522	93.522	128.264	111.264	88.729	30.482		2.290	28.192					
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		197.131	197.131			192.007	192.007	93.522	93.522	89.000	72.000	63.945	18.346		2.290	16.056					
1	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 1857/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	110.933	110.933		105.907	105.907	73.522	73.522	32.000	32.000	29.000	4.160			4.160		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
2	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198		86.100	86.100	20.000	20.000	57.000	40.000	34.945	14.186		2.290	11.896	Dự án đã hoàn thành	Bệnh viện đa khoa Cà Mau			
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		41.335	41.335			39.364	39.364			39.264	39.264	24.784	12.136			12.136					
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	7834487	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219		37.364	37.364			37.364	37.364	22.956	12.064			12.064		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau			
2	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đặt máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch	7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116		2.000	2.000			1.900	1.900	1.828	72			72		Bệnh viện đa khoa Cà Mau			
B	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		125.749	125.749			122.896	122.896	20.177	20.177	88.876	88.876	85.774	7.210	135	156	7.189					
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		27.553	27.553			24.700	24.700	20.177	20.177	3.700	3.700	3.610	2.410	135	156	2.389					
1	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565		12.500	12.500	7.977	7.977	3.700	3.700	3.610	590	135		725	Thanh toán khởi công thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
2	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn	7668831	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017; 560/QĐ-SXD ngày 01/12/2020	14.988	14.988		12.200	12.200	12.200	12.200				1.820		156	1.664	Dự án đã hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn			
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		98.196	98.196			98.196	98.196			85.176	85.176	82.164	4.800			4.800					
1	Trường THCS Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	7813735	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937		3.937	3.937			3.700	3.700	3.496	97			97		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
2	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7812437	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949		5.949	5.949			4.476	4.476	4.164	137			137		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển			
3	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lạc Đông, huyện Thới Bình	7799392	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701		14.701	14.701			13.000	13.000	13.000	400			400		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình			
4	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7799955	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960		14.960	14.960			13.000	13.000	13.000	500			500		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình			
5	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	7799393	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970		14.970	14.970			13.000	13.000	13.000	600			600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình			
6	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	7808863	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997		8.997	8.997			8.000	8.000	6.311	1.689			1.689		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
7	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	7835810	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819		7.819	7.819			7.000	7.000	6.193	807			807		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
8	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	7826309	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878		14.878	14.878			13.000	13.000	13.000	300			300		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân			
9	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân	7826308	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985		11.985	11.985			10.000	10.000	10.000	270			270		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân			
C	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI		55.768	29.800			55.768	29.800			32.200	19.200	7.716	12.084	450		12.534					
<i>I</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		55.768	29.800			55.768	29.800			32.200	19.200	7.716	12.084	450		12.534					
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700		29.875	20.700			10.700	10.700	610	10.090			10.090		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau			
2	Dự án đầu tư xây dựng hệ lảng Khu nhà ở trong Khu du lịch Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau	7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019; 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	9.100		25.893	9.100			21.500	8.500	7.106	1.994	450		2.444	Thanh toán cho một số hạng mục công trình điều chỉnh, phát sinh	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông			
D	LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		14.896	14.896			14.896	14.896			12.000	12.000	11.445	1.262	250		1.512					
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		14.896	14.896			14.896	14.896			12.000	12.000	11.445	1.262	250		1.512					



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Đã giải ngân kế hoạch vốn XSKT năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021 (tại NQ số 28/NQ-HĐND ngày 15/7/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021		Kế hoạch vốn XSKT năm 2020 chuyển sang năm 2021 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)			
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)																	
1	Cầu Đình Hạng trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7794716	1012/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			12.000	12.000	11.445	1.262	250		1.512	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
E LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU																					
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>																					
1	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020	Nhiều công trình	515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198			6.198	6.198			6.000	6.000	5.367	75			75		Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng	
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			354.000	24.000	212.000	12.000	142.000	12.000	6.194	1.831	500		2.331	Bổ sung chi phí GPMB	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
3	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013, 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	7.450	7.450	6.332	1.118			1.118		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	1.812	188	188		0	Thời gian thực hiện một số gói thầu kéo dài đến năm 2022	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018, 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019, 447/QĐ-UBND ngày 10/3/2021	58.681	2.256			1.983	1.983	689	689	611	611	511	1.056			1.056		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực của biển Rạch Gốc, của biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển	7723473	1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	24.384			134.384	24.384	110.000		17.000	17.000	6.775	10.225	1.100		11.325	Thanh toán khối lượng thực hiện các hạng mục bổ sung	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
7	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau		Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	15.000	5.000	228	4.772			4.772			
<i>Trong đó:</i>																					
7,1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	21.088	13.440	15.000	5.000	228	4.772			4.772		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
G CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG																					
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>																					
1	Cầu qua sông Tắc Thù thuộc đường Vĩnh đại 1, thành phố Cà Mau	7440195	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013, 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	191.301			172.171	25.000	43.608		15.000	15.000	12.651	2.000		450	1.550	Vương GPMB	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	231.080	131.828		82.020	15.000	39.500		38.286	38.286	17.952	10.334			10.334		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
3	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	12.400	16.664		73.317		45.753		27.000	12.000	7.468	1.162		634	528	Dự án đã kết thúc	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
<i>b) Dự án khởi công mới năm 2020</i>																					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Phan Ngọc Hiển (nối dài), huyện Phú Tân	7603666	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017, 2471/QĐ-UBND ngày 28/12/2020	79.888	79.888			44.350	44.350	407		43.000	43.000	43.000	10.103	1.283		11.386	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	